


## HÀNG NGUY HIỂM HÀNG VNA

### CODE DGR

STT	CODE	DIỄN GIẢI	GHI CHÚ
1	REX	CHẤT NỔ	Loại 1
2	RCX	CHẤT NỔ	Loại 1
3	RGX	CHẤT NỔ	Loại 1
4	RXB	CHẤT NỔ	Loại 1
5	RXC	CHẤT NỔ	Loại 1
6	RXD	CHẤT NỔ	Loại 1
7	RXE	CHẤT NỔ	Loại 1
8	RXG	CHẤT NỔ	Loại 1
9	RXS	CHẤT NỔ	Loại 1
10	RFG	CHẤT KHÍ	2.1
11	RNG/RCL	CHẤT KHÍ	2.2
12	RPG	CHẤT KHÍ	2.3
13	RFL	CHẤT LỎNG DỄ CHÁY	Loại 3
14	RFS	CHẤT RẮN DỄ CHÁY	4.1
15	RSC	Chất có thể tự bốc cháy	4.2
16	RFW	Chất nguy hiểm khi ướt	4.3
17	ROX	Chất ô xy hoá	5.1
18	ROP	Chất Pe-rô-xit hữu cơ	5.2
19	RPB	Chất độc	6.1

# CODE DGR

STT	CODE	DIỄN GIẢI	GHI CHÚ
20	RIS	Chất lây nhiễm	6.2
21	RRW	Vật liệu phóng xạ	Mức I - Trắng
22	RRY	Vật liệu phóng xạ	Mức II / III- Vàng
23	FISSILE	Vật liệu phóng xạ phân hạch	Loại 7
24	RCM	Vật liệu ăn mòn	Loại 8
25	RMD	Hàng nguy hiểm khác và các vật chứa các chất nguy hiểm cho môi trường	Loại 9
26	RSB	Hạt nhựa trùng hợp, hợp chất nhựa	Loại 9
27	ICE	Đá khô	Loại 9
28	RLI/RLM RBI/RBM	Pin lithium	Loại 9
29		Bao bì tiêu chuẩn UN (LHQ)	
30	MAG	Vật liệu từ tính	
31	CAO	Cargo aircraft only	
32	RCL	Khí hóa lỏng lạnh	
33	RDS	Chất sinh học, Loại B	UN3373
34	TI	Transport index	Chỉ số vận chuyển
35	PG	Packing group	Nhó đóng gói
36	EAT	Trứng thực phẩm	
37	HEG	Trứng ấp	

STT	DGR	LƯU Ý PHỤC VỤ		GHI CHÚ
1	PIN	- Tối đa 10 pin dự phòng <=100wh		
		- Không chấp nhận các loại Pin Lithium có chức năng như là sạc dự phòng cho nhiều loại thiết bị khác nhau có chỉ số lớn hơn 100Wh. Chỉ chấp nhận tối đa 100Wh.		
2	Chất ăn mòn (RCM)	Chất thẳng đứng theo chiều mũi tên, tránh tràn đổ		
3	Chất từ tính (MAG)	Loại tàu bay	Vị trí chất xếp cho phép	
		B787	Khoang 3	
		A350	Khoang 3, 4	
		A321	Khoang 3, 4	
4	Chất phóng xạ (RRW, RRY)	VNA không chấp nhận vận chuyển hàng phóng xạ		

STT	DGR	LƯU Ý PHỤC VỤ				GHI CHÚ	
5	DRY ICE	Loại tàu bay	Hầm hàng	Giới hạn tối đa khối lượng đá khô được phép vận chuyển (theo hành lý ký gửi, hàng hóa) trong điều kiện			
				Có động vật sống (kg)			Không có động vật sống (kg)
		A350-941	FWD	0	0		
			AFT	0	0		
			BULK	100	200		
		A321-200	FWD	0	0		
			AFT	100	200		
			BULK				
		A321-200NEO	FWD	0	0		
			AFT	100	200		
			BULK				
		A320-NEO	FWD	80			Chỉ áp dụng với vận chuyển hành lý ký gửi, không áp dụng với vận chuyển hàng hóa
			AFT	120			
			BULK	40			
		B787-9	FWD	150	250		
			AFT	150	250		
			BULK	45	90		
		B787-10	FWD	150	250		
			AFT	150	250		
			BULK	45	90		
		ATR72-500	FWD	0			
			AFT	0			



STT	DGR	LƯU Ý PHỤC VỤ				GHI CHÚ		
6	AVI	a) Đối với tàu bay B787				Lưu ý lót nylon + giấy thấm		
		Loại tàu bay	Nhóm vận chuyển	Tổng cộng các khoang hàng	Khối lượng động vật sống chấp nhận trên hầm hàng	Những chú ý và quy trình yêu cầu đối với tổ bay	Nhóm vận chuyển	Loại động vật sống
		B787	AVI-01	1/2 - 3/4 - 5	Không hạn chế		AVI-01	Các loại động vật sống thuộc loài động vật không có xương sống; động vật chân đốt; côn trùng; động vật giáp xác (tôm, cua), ếch, nhái; trai; sò, ốc, hến; động vật thân mềm; các loại giun; cá, cá sấu; rùa, ba ba; các loại bò sát.
			AVI-02	Không chấp nhận vận chuyển				Không yêu cầu quạt thông gió, trừ các bò sát lớn cần quạt thông gió và nhiệt độ 18oC
			AVI-03	1 và 2	4000 kg hoặc 02 PMC	Yêu cầu nhiệt độ theo từng loại	AVI-02	Các loại động vật có vú có khối lượng từ 50 kgs (khối lượng cả bi-GW)/con trở lên; lợn, cá voi, đà điểu,... Vì lý do an toàn VNA không chấp nhận vận chuyển nhóm vận chuyển này trên tàu bay chở khách.
				3 và 4	Không chất động vật sống			AVI-03
				5	500 kgs	Giữ ở 21 độ		Yêu cầu quạt thông gió
		AVI-	1 và 2	20.000 con hoặc 1200 kg	Yêu cầu để nhiệt độ 14 oC - 23 oC	AVI-04	Các loại chim nhỏ hơn 100 gram, gà, vịt, ngan, ngỗng con một ngày tuổi.	
			04	3 và 4	Không chất động vật sống			Yêu cầu quạt thông gió mạnh
				5	3.000 con hoặc 180 kg	Yêu cầu để nhiệt độ 14 oC - 23 oC	AVI-05	Các loại động vật có mùi hôi khó chịu như cây hương, chồn hôi, linh cẩu,... Vì lý do an toàn VNA không chấp nhận vận chuyển nhóm vận chuyển này trên tàu bay chở khách.
		AVI-05	Không chấp nhận vận chuyển					

STT

DGR

LƯU Ý PHỤC VỤ

GHI CHÚ

6

AVI

b) Đối với tàu bay A350

Loại tàu bay	Nhóm vận chuyển	Tổng cộng các khoang hàng	Khối lượng động vật sống chấp nhận trên hầm hàng	Những chú ý và quy trình yêu cầu đối với tổ bay
A350	AVI-01	1/2 - 3/4 - 5	Không hạn chế	
	AVI-02	Không chấp nhận vận chuyển		
	AVI-03	1 và 2	Không chất động vật sống	
		3 và 4	Không chất động vật sống	
		5	500 kgs	Yêu cầu nhiệt độ theo từng loại
	AVI-04	1 và 2	Không chất động vật sống	
		3 và 4	Không chất động vật sống	
		5	3.000 con hoặc 180 kg	Yêu cầu để nhiệt độ 14 oC - 23 oC
	AVI-05	Không chấp nhận vận chuyển		

Lưu ý lót nylon + giấy thấm

Nhóm vận chuyển	Loại động vật sống
AVI-01	Các loại động vật sống thuộc loài động vật không có xương sống; động vật chân đốt; côn trùng; động vật giáp xác (tôm, cua), ếch, nhái; trai; sò, ốc, hến; động vật thân mềm; các loại giun; cá, cá sấu; rùa, ba ba; các loại bò sát.
	Không yêu cầu quạt thông gió, trừ các bò sát lớn cần quạt thông gió và nhiệt độ 18oC
AVI-02	Các loại động vật có vú có khối lượng từ 50 kgs (khối lượng cả bi-GW)/con trở lên; lợn, cá voi, đà điểu,... Vì lý do an toàn VNA không chấp nhận vận chuyển nhóm vận chuyển này trên tàu bay chở khách.
AVI-03	Các loại động vật có vú loại vừa và nhỏ khối lượng dưới 50 kgs (trong lượng cả bi-GW)/con (không bao gồm lợn) như dê, cừu, khỉ; chó, mèo; các loại gia cầm, chim, gà, vịt, ngan , ngỗng khối lượng từ 100 gram trở lên.
	Yêu cầu quạt thông gió
AVI-04	Các loại chim nhỏ hơn 100 gram, gà, vịt, ngan, ngỗng con một ngày tuổi.
	Yêu cầu quạt thông gió mạnh
AVI-05	Các loại động vật có mùi hôi khó chịu như cây hương, chồn hôi, linh cẩu,... Vì lý do an toàn VNA không chấp nhận vận chuyển nhóm vận chuyển này trên tàu bay chở khách.

STT	DGR	LƯU Ý PHỤC VỤ	GHI CHÚ
7	Thùng hồng	<div> <div>OPERATIONAL DAMAGE LIMITS FOR CONTAINER - DO NOT COVER -</div> <div> <div>Nordisk</div> <div>AVIATION PRODUCTS</div> <div>Containers series; 20000 and 30000</div> <div>Ref. No. ODL-21299-08</div> </div> </div> <div> <div>FOR REFERENCE ONLY</div> <div>Visual Check of Cargo Container is REQUIRED BEFORE USE</div> <div> <div>Location</div> <div>Component</div> <div>Code</div> <div> <div>ULD MAY NOT BE USED IF ANY OF THE CONDITIONS BELOW ARE EXCEEDED</div> <div> <div>Base</div> <div>Sheet</div> <div>SB</div> <div>NO MORE THAN 0.2 INCH / 5 MM SIZED INDENTATIONS</div> <div>NO CRACKS OR HOLES</div> <div>Extrusion</div> <div>EB</div> <div>NO BROKEN OR MISSING PARTS</div> <div>NO MORE THAN 1 INCH / 25 MM SIZED CRACKS IN ANY DIRECTION, MINIMUM 20 INCH / 500 MM APART</div> <div>NO MORE THAN 1 1/10 INCH / 25 MM BOWED, WARPED OR DEFLECTED EXTRUSION</div> <div>Tie-Down</div> <div>TB</div> <div>AT LEAST 3 UNDAMAGED ADJACENT PAIRS OF SEAT TRACK LIPS AT EACH INTERNAL ATTACHMENT POINT, IF NET DOOR: AT LEAST 4 IN BASE AT EACH NET ATTACHMENT POINT,</div> <div>NO LOOSE OR DAMAGED ATTACHMENT TO CONTAINER STRUCTURE</div> <div>NO CLOGGING WITH DIRT OR OTHER CONTAMINANTS</div> <div>Fastener</div> <div>FB</div> <div>NO MORE THAN 3 BROKEN, LOOSE OR MISSING RIVETS PER EDGE RAIL</div> <div>NO LESS THAN 12 INCH / 300 MM BETWEEN BROKEN, LOOSE OR MISSING RIVETS</div> <div>Corner Conn.</div> <div>CB</div> <div>NO DEFORMED, BROKEN OR MISSING CORNER CONNECTIONS</div> <div>Fabric Doors</div> <div>Curtain</div> <div>CD</div> <div>NO MORE THAN 2 INCH / 50 MM (SEE *1) SIZED CUTS/HOLES/SCUFFED AREAS (UP TO 2 EA., SEE *1), LOCATED MINIMUM 4 INCHES / 100 MM APART AND FROM CURTAIN EDGES, WEBBING, STRAPS AND ANY HARDWARE</div> <div>Lock</div> <div>LD</div> <div>NO BROKEN, LOOSE OR MISSING HARDWARE/LOCKS, VELCRO SHALL FUNCTION PROPERLY</div> <div>Webbing</div> <div>WD</div> <div>NO DAMAGED / WORN-OUT RESTRAINT STRAPS</div> <div>NO DAMAGED / MISSING STITCHING</div> <div>Panels</div> <div>Sheet</div> <div>SP</div> <div>NO MORE THAN 2 HOLES/CRACKS PER SHEET WITH NO MORE THAN 8 INCH / 200 MM SIZE</div> <div>NO LESS THAN 4 INCH / 100 MM BETWEEN HOLES/CRACKS</div> <div>NO TEARS / HOLES WITHIN 2 INCH / 50 MM OF ASSEMBLY FASTENERS</div> <div>Extrusion</div> <div>EP</div> <div>NO MORE THAN 1 INCH / 25 MM SIZED CRACK IN ANY DIRECTION, NO MORE THAN 1 PER EXTRUSION</div> <div>NO BROKEN OR CRUSHED EXTRUSIONS</div> <div>NO DEFLECTION OUTSIDE ALLOWABLE CONTOUR</div> <div>Fastener</div> <div>FP</div> <div>NO MORE THAN 1 BROKEN, LOOSE OR MISSING FASTENERS PER EXTRUSION LENGTH</div> <div>NO MISSING FASTENERS ON DOOR STRAP BRACKETS, GUSSETS OR TIE DOWN BRACKETS</div> <div>Corner Connects</div> <div>Gusset</div> <div>CP</div> <div>NO BROKEN, CRACKED, BENT, LOOSE OR MISSING CORNER GUSSETS</div> <div>Others</div> <div>Webbing</div> <div>WP</div> <div>NO DAMAGED, WORN-OUT OR MISSING PULL-STRAPS (1000 LBS CAPACITY FOR OPERATION, NOT REQUIRED FOR AIRWORTHINESS)</div> <div>Manuf. Data</div> <div>TM</div> <div>IN PLACE AND LEGIBLE</div> <div>Special Requirements</div> <div>Plastic Insert Corners</div> <div>NOT REQUIRED FOR AIRWORTHINESS, MISSING/HOLES MAY BE TEMPORARILY COVERED WITH SEALANT</div> <div>*1: D4000 Doors</div> <div>CD</div> <div>IF D4000 DOOR, THE FOLLOWING ARE ALLOWED: UP TO 10 INCH / 250 MM SIZED, UP TO 4 EA.</div> </div> </div> </div> <div>When in doubt refer to CMM Notice for operational use ONLY Serviceability NOT affected when missing or illegible</div> </div>	<p>Các góc không bị biến dạng, vỡ hay mất góc.</p> <p>Kiểm tra cửa bạt</p> <p>1) Tầm cửa:</p> <p>Kích thước những chỗ bị cắt/thùng/trầy xước không quá 2 inch (50 mm), nhiều nhất 2 chỗ, nằm cách gờ cửa, mép đường chỉ khâu, dây dán cửa và bất kỳ phần cứng nào ít nhất 4 inch (100 mm).</p> <p>Kiểm tra tấm thành</p> <p>1) Trên mỗi tấm thành không có quá 2 lỗ thùng/vết gãy nứt kích thước quá 8 inch (200 mm)</p> <p>Khoảng cách giữa các lỗ thùng/vết gãy nứt không nhỏ hơn 4 inch (100 mm).</p> <p>Các vết rách/lỗ thùng cách các đinh chốt 2 inch (50 mm).</p>

STT	DGR	LƯU Ý PHỤC VỤ	GHI CHÚ
8	Xe WCHR điện	<div> <div>Section 2 - Limitations</div> <div>DGR 2.3 – Dangerous Goods carried by passengers and crew.</div> <div> <div>➤ DGR 2.3.2.4.3 (Note) – There is no Watt-hour limitation when the lithium battery(ies) is remained installed in the mobility aid.</div> <div> </div> </div> </div> <div> <div>46</div> <div>© 2024 Copyright IATA</div> <div> </div> </div>	<p>- Xe WCHR điện có thể chất H5 nhưng khuyến khích chất trong ULD</p> <p>- Khi Pin để nguyên trong xe thì không giới hạn dung lượng Pin</p> <p>- Trường hợp mang Pin lên khoang khách tàu bay, chỉ số Pin tối đa 300Wh</p> <p>- Khách được mang 1 Pin dự phòng tối đa 300Wh hoặc 2 Pin tối đa 160Wh</p> <p>- Tất cả các trường hợp tháo pin hay không tháo pin đều phải có NOTOC và lưu ý phục vụ như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Pin phải được bảo vệ tránh đoản mạch. Vd: được đóng kín trong hộp;</li> <li>Pin phải được (áp dụng 1 trong 2 biện pháp sau): <ol style="list-style-type: none"> <li>Được bảo vệ phù hợp theo thiết kế của thiết bị và được gắn chặt vào thiết bị hỗ trợ di chuyển và được ngắt khỏi mạch điện theo hướng dẫn của nhà sản xuất (xem tại mục 4.5.3.5); hoặc</li> <li>Nếu thiết kế của thiết bị cho phép tháo rời pin, nếu muốn tháo rời, thực hiện theo hướng dẫn của nhà sản xuất, pin được tháo rời phải có chỉ số Wh tối đa không quá 300 Wh.</li> </ol> </li> </ol>

STT	DGR	LƯU Ý PHỤC VỤ
9	NOTOC	- Notoc được đưa cho cơ trường chậm nhất 30 phút trước giờ dự định cất cánh.
10	Khác	<p>Không chất HNH trên tàu bay chất xá và khoang rời tàu bay chất ULD (ngoại trừ đá khô dùng để làm lạnh) (<b>chỉ áp dụng cho hàng hóa. Hành lý áp dụng theo bảng 4.2 DGM</b>)</p> <p>A320-NEO: KHÔNG được phép – Không chuyên chở hàng nguy hiểm dưới dạng hàng hóa</p> <p>Bình khí oxy hoặc bình khí nhỏ sử dụng trong y tế được vận chuyển dưới dạng HLKG hoặc HLXT/ vận chuyển theo người, phải được chấp nhận của hãng HK và người chỉ huy tàu bay:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổng khối lượng mỗi bình khí không quá 5kg.</li> <li>+ Xilanh, van và van xả (nếu có) phải được bảo vệ khỏi những hư hỏng có thể gây thoát khí ngoài ý muốn.</li> <li>+ Người chỉ huy tàu bay phải được thông báo số lượng và vị trí chất xếp bình khí/xilanh.</li> </ul> <p>Lưu ý: đối với chuyến bay đến/đi từ Mỹ, Cấm vận chuyển theo HLKG, HLXT hay mang theo người.</p> <p><b>Các sân bay chưa đáp ứng yêu cầu khai thác hàng nguy hiểm:</b>  Ban Mê Thuột (BMV), Chu Lai (VCL), Điện Biên (DIN), Đồng Hới (VDH), Liên Khương (DLI), Pleiku (PXU), Rạch Giá (VKG), Phù Cát (UIH), Phù Bài (HUI), Phú Quốc (PQC)(*), Thọ Xuân (THD), Tuy Hòa (TBB), Vinh (VII), Vân Đồn (VDO)</p>